

Bản án số: 69/2020/HSPT

Ngày: 25/02/2020

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Anh Tài;

*Các Thẩm phán:*

Ông Ngô Anh Dũng;

Ông Nguyễn Vũ Đông.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thu Hoài, cán bộ  
Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*  
Ông Bùi Ngọc Tân, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng,  
Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình  
sự Thụ lý số 935/TLPT-HS ngày 26 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo Hầu Văn  
T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo và đại diện hợp pháp của người  
bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2019/HSST ngày 16 tháng 10 năm  
2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

**\* Các bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:**

**1. Hầu Văn T**, sinh ngày 20/6/2001; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và  
chỗ ở: Xóm Phia V, xã Đa Th, huyện Thông N, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp:  
trồng trọt; trình độ học vấn: lớp 8/12; dân tộc: Mông; con ông Hầu Văn C và bà  
Sùng Thị D; chưa có vợ, con; chưa có tiền án, tiền sự; bị bắt tạm giam từ ngày  
25/01/2019 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

**2. Lầu Văn B**, sinh ngày 06/10/1997; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và  
chỗ ở: Xóm Phia V, xã Đa Th, huyện Thông N, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp:  
trồng trọt; trình độ học vấn: lớp 7/12; dân tộc: Mông; con ông Lầu Văn D1 (đã  
chết) và bà Lầu (Lò) Thị D2; có vợ là Dương Thị T1 và 02 con; chưa có tiền án,  
tiền sự; bị bắt tạm giam từ ngày 07/6/2019 cho đến nay. Có mặt.

**3. Hoàng Văn Th1**, sinh ngày 13/6/1991; Nơi đăng ký hộ khẩu thường  
trú và chỗ ở: Xóm Lũng Kh, xã Đa Th, huyện Thông N, tỉnh Cao Bằng; nghề

nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ học vấn: lớp 1/12; dân tộc: Mông; con ông Hoàng Chứ P và bà Lầu Thị D; có vợ là Thào Thị S và 02 con; chưa có tiền án, tiền sự; bị bắt tạm giam từ ngày 07/6/2019 cho đến nay. Có mặt.

**4. Dương Văn C1**, sinh ngày 01/01/2000; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm Pác R, xã Nam Q, huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 5/12; dân tộc: Mông; con ông Dương Văn D2 (đã chết) và bà Lầu Thị M; có vợ là Lý Thị M1 và 01 con; chưa có tiền án, tiền sự; bị bắt tạm giam từ ngày 26/6/2019 cho đến nay. Có mặt.

**\* Người bào chữa cho các bị cáo Hầu Văn T và Hoàng Văn Th1:** Ông Nông Văn S1 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng.

**\* Người bào chữa cho các bị cáo Lầu Văn B và Dương Văn C1:** Bà Nguyễn Thị Th2 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng.

**\* Người đại diện hợp pháp của người bị hại có kháng cáo:** Ông Vàng A M2, sinh năm 1984; nơi cư trú: Xóm Nà P1, xã Vĩnh Q1, huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

**\* Người phiên dịch tiếng Mông:** Ông Dương Văn D3 - Cán bộ Đài phát thanh và truyền hình tỉnh Cao Bằng.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng và Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/01/2019, Công an huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng nhận được đơn trình báo của cháu Vàng Thị Gi về việc ngày 24/11/2018, Gi bị một người tên Th3, sinh năm 2000, nhà ở Bắc Kạn cùng một số đối tượng lừa sang Trung Quốc bán. Qua xác minh, Cơ quan điều tra xác định, đối tượng tên Th3 lừa bán Gi sang Trung Quốc là Hầu Văn T.

Mở rộng điều tra, Cơ quan điều tra xác định Hầu Văn T, Lầu Văn B, Hoàng Văn Th1 và Dương Văn C1 thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Năm 2017, Dương Văn C1 quen biết Hoàng Văn Th1. Qua nói chuyện, C1 giới thiệu quen một người Trung Quốc có nhu cầu mua con gái Việt Nam về làm vợ, C1 và Th1 thống nhất tìm con gái Việt Nam để lừa đưa sang Trung Quốc bán. Khoảng tháng 5/2018, Th1 rủ Lầu Văn B, sau đó B rủ thêm Hầu Văn T cùng tham gia tìm phụ nữ để bán sang Trung Quốc với số tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng/1 người.

Tháng 8/2018, khi B và T đang làm thuê ở Đồng Nai thì nhận được điện thoại của Th1 cung cấp số điện thoại của một người con gái lấy trên mạng xã hội Facebook để B gọi điện làm quen, tán tỉnh, mục đích lừa đưa đi bán. Nhưng do không làm quen được nên B đưa số điện thoại cho T và bảo T gọi điện làm quen. Giữa tháng 10/2018, T đã gọi điện và biết người con gái B cho số điện thoại tên là Vàng Thị Gi (là học sinh lớp 8 trường Trung học cơ sở Vĩnh Q1), T giới thiệu mình tên là Th3, nhà ở tỉnh Bắc Kạn, hẹn gặp Gi tại địa điểm gần trường Trung học cơ sở Vĩnh Q1, Gi đồng ý. Sau đó, T đi xe mô tô từ huyện Thông N đến huyện Bảo L gặp và nói chuyện với Gi, sau đó T thông báo cho B biết. Khoảng 10 ngày sau, T tiếp tục gọi điện hẹn gặp Gi tại xã Vĩnh Q1, T nói muốn đưa Gi về làm vợ và đưa Gi đến một bãi đất trống gần chợ bò Nà Tôm thuộc xã Vĩnh Q1, huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng để quan hệ tình dục với Gi. Sau đó, T đưa Gi về nhà, còn T cũng đi về nhà. Khi về T thông báo cho Th1, B và cả ba thống nhất đến Bảo L để lừa đưa Gi sang Trung Quốc bán.

Sáng ngày 23/11/2018, T hẹn sang đón Gi về làm vợ và thông báo cho B, Th1 biết, Th1 gọi điện cho Dương Văn C1 để C1 liên hệ với người Trung Quốc đưa Gi đi bán, C1 gọi điện cho Sùng Văn Gi, sinh năm 1996, trú tại xóm Nà Đon, xã Quảng L, huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng bảo Sùng Văn Gi dẫn đường đưa sang Trung Quốc (*Gi là người trước đó đã rủ C1 tìm phụ nữ đưa sang Trung Quốc bán*). Chiều cùng ngày, T, B, Th1 gặp nhau tại Bảo L và thống nhất Th1 đi đón C1 rồi đi trước dẫn đường, T đi đón Vàng Thị Gi, còn B do không có xe nên ở lại chờ. Trên đường T đưa Gi đi, bà Lầu Thị M (*là mẹ đẻ của Gi*) gọi điện cho Gi và được T cho biết đang đưa Gi về làm vợ, sau đó T tắt điện thoại rồi điều khiển xe đi tiếp. Khi đến huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang, Th1, C1, T và Vàng Thị Gi gặp người đàn ông tên D1 (*D1 là người được Sùng Văn Gi bảo đến đón C1 và đưa người sang Trung Quốc*) và được D1 đưa đến thị trấn Mèo Vạc ngủ qua đêm tại một nhà nghỉ. Th1, C1, D1 ngủ một phòng, còn T, Gi ngủ chung một phòng, T tiếp tục quan hệ tình dục với Gi. Khoảng 03 giờ ngày 24/11/2018, cả 05 người dậy tiếp tục đi đến khu vực biên giới thì Th1 ở lại chờ, còn D1 dẫn đường đưa C1, T, Gi đi bộ qua đường mòn vượt qua biên giới, sau đó lên xe ô tô do một người đàn ông điều khiển đến nhà của một đôi vợ chồng người Trung Quốc. Tại đây D1, C1 và người đàn ông lái xe trao đổi việc bán Gi với vợ chồng người Trung Quốc, còn T bảo Gi đợi ở đó để T đi chợ bò một lúc rồi quay lại nhưng sau đó T, D1 được đưa về biên giới, còn C1 ở lại chờ lấy tiền.

Đối với Hoàng Văn Th1 chờ C1, D1, T ở biên giới Việt Nam - Trung Quốc đến khoảng 09 giờ ngày 24/11/2019, nhưng không thấy trở về nên quay về

khu vực chợ Nhà Tôm đón B về Thông N. Sau đó, Th1, B được T cho biết đã bán Gi nhưng chưa nhận được tiền.

Dương Văn C1 được người đàn ông lái xe đưa về nhà ở chờ lấy tiền. Tuy nhiên, chờ đến ngày thứ 5 chưa nhận được tiền nên C1 đã về Việt Nam. Khi về đến nhà, C1 gọi điện cho Th1 báo chưa nhận được tiền bán Gi và gọi điện hỏi Sùng Văn Gi về số tiền bán người nhưng Gi cũng không biết.

Vàng Thị Gi sau khi biết bị lừa bán sang Trung Quốc đã tìm cách bỏ trốn và được một người phụ nữ đưa đến đồn Công an Trung Quốc trình báo. Sau một thời gian bị tạm giữ, Gi được Công an Trung Quốc đưa ra biên giới để tự trở về Việt Nam, sau đó đến Công an huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng trình báo toàn bộ sự việc.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2019/HSST ngày 16/10/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng đã quyết định:

1. Tuyên bố: Bị cáo Hầu Văn T, Lầu Văn B, Hoàng Văn Th1 và Dương Văn C1 phạm tội “Mua bán người dưới 16 tuổi”.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 151; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Hầu Văn T 10 (Mười) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 25/01/2019.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 151; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Lầu Văn B 15 (Mười năm) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 07/6/2019.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 151; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn Th1, Dương Văn C1, xử phạt:

+ Hoàng Văn Th1 14 (Mười bốn) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam là ngày 07/6/2019.

+ Dương Văn C1 14 (Mười bốn) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giữ, tạm giam là ngày 26/6/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 584, 585, 587; 592; 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự: Buộc Hầu Văn T, Lầu Văn B, Hoàng Văn Th1, Dương Văn C1 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm cho bị hại Vàng Thị Gi do ông Vàng A M2 là người đại diện hợp pháp với tổng số tiền 14.900.000 đồng, trong đó: Hầu Văn T bồi thường 4.400.000 đồng; Lầu Văn B bồi thường 3.500.000 đồng; Hoàng Văn Th1 bồi thường 3.500.000 đồng; Dương Văn C1 bồi thường 3.500.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/10/2019, đại diện hợp pháp của người bị hại là ông Vàng A M2 có đơn kháng cáo đề nghị tăng tiền bồi thường thiệt hại.

Cùng ngày 25/10/2019, các bị cáo Hầu Văn T, Lầu Văn B, Hoàng Văn Th1, Dương Văn C1 đều có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt. Ngoài ra, bị cáo Th1 kháng cáo trả lại điện thoại Sam Sung của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết; các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tuổi đời còn trẻ, nhân thân tốt chưa vi phạm pháp luật, bị cáo Hầu Văn T khi phạm tội là người chưa thành niên, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt đến mức thấp nhất cho các bị cáo.

Tại đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt của đại diện người bị hại ông Vàng A M2 có nội dung: Sau khi xét xử sơ thẩm gia đình các bị cáo T, B, Th1 đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho Vàng Thị Gi được số tiền cụ thể: chị Dương Thị T1 (vợ B) bồi thường 5,5 triệu đồng, chị Thào Thị S (vợ Th1) bồi thường 5,5 triệu đồng, bà Sùng Thị D và ông Hầu Văn C (bố mẹ T) bồi thường 6,4 triệu đồng. Ông Vàng A M2 và cháu Vàng Thị Gi đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho 3 bị cáo T, B, Th1.

Người bào chữa cho các bị cáo đề nghị: Nhất trí với tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo T, B, Th1 đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại và được đại diện hợp pháp của người bị hại và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho 3 bị cáo; các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế, sau khi phạm tội đã nhận thức được sai phạm của mình và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo tuổi đời còn trẻ; bị cáo T khi phạm tội là người chưa thành niên nên đề nghị áp dụng quy định của Bộ luật hình sự đối với người chưa thành niên. Gia đình bị cáo T đã bồi thường được 6,4 triệu; gia đình Th1 bồi thường được 5,5 triệu; gia đình B bồi thường được 5,5 triệu và được đại diện người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Th1 10 năm tù, bị cáo T 8 năm tù và xử phạt mức hình phạt thấp nhất đối với bị cáo B, C1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án và phân tích các tình tiết, tài liệu trong hồ sơ vụ án, có quan điểm:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Mua bán người dưới 16 tuổi” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 151 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như: các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo T, B, Th1 đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại và được đại diện hợp pháp của người bị hại và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho 3 bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, trình bày của người bào chữa, của các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Đại diện người bị hại kháng cáo nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự và theo đề nghị của người bào chữa và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện hợp pháp người bị hại.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Sau khi đã tạo được lòng tin với cháu Vàng Thị Gi. Ngày 23/11/2018, Hầu Văn T gọi điện thoại hẹn gặp cháu Gi, để tạo lòng tin với cháu Gi, T nói dối đón cháu Gi về nhà làm vợ nhưng thực chất là đưa cháu Gi sang Trung Quốc với mục đích để bán. T báo cho Lầu Văn B, Hoàng Văn Th1 biết để cùng đi đến huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng, sau đó Th1 gọi điện cho Dương Văn C1 để C1 dẫn đường sang Trung Quốc. Khi cháu Gi đồng ý đi, T, Th1, C1 cùng cháu Gi đến huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang và được người đàn ông tên D1 đưa sang Trung Quốc bán Gi cho một đôi vợ chồng người Trung Quốc.

Hành vi mua bán người dưới 16 tuổi của các bị cáo Hầu Văn T, Lầu Văn B, Hoàng Văn Th1, Dương Văn C1 đã xâm phạm đến quyền tự do thân thể, danh dự, nhân phẩm của người dưới 16 tuổi, coi người nữ giới dưới 16 tuổi là hàng hoá để bán kiếm lời, hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự ở địa phương. Hành vi phạm tội của các bị cáo Hầu Văn T, Lầu Văn B, Hoàng Văn Th1, Dương Văn C1 thuộc trường hợp "Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam" và Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “Mua bán người dưới 16 tuổi” theo quy định tại

điểm d khoản 2 Điều 151 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo Hầu Văn T, Lầu Văn B, Hoàng Văn Th1 và Dương Văn C1 là đặc biệt nghiêm trọng cần phải xử lý nghiêm khắc để làm gương cho người khác, đồng thời phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm mua bán người nói chung và tội phạm mua bán người dưới 16 tuổi nói riêng.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo T khi thực hiện tội phạm mới 17 tuổi 05 tháng 03 ngày, nên áp dụng quy định của pháp luật về xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội để quyết định hình phạt là có căn cứ pháp luật; bị cáo T, Th1, C1 không có tình tiết tăng nặng; bị cáo B có 01 tình tiết tăng nặng “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội”. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người bào chữa cho các bị cáo xuất trình tài liệu thể hiện, sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo T, B, Th1 đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho cháu Vàng Thị Gi và được người bị hại, đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T, B, Th1. Hội đồng xét xử sẽ áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T, B, Th1, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo và đề nghị của người bào chữa, đại diện Viện kiểm sát, giảm nhẹ một hình phạt cho các bị cáo.

[5] Xét kháng cáo đề nghị tăng mức bồi thường dân sự của đại diện hợp pháp người bị hại, Hội đồng xét xử thấy:

Tại đơn kháng cáo, ông Vàng A M2 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tổng số tiền 480 triệu đồng (trong đó có khoản tiền thuê 8 người đi tìm cháu Gi, mỗi người 200.000 đồng/1ngày, tìm trong 40 ngày: 8 người x 200.000 đồng/1ngày x 40 ngày = 64 triệu đồng).

Hội đồng xét xử thấy: Về trách nhiệm dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 592 Bộ luật dân sự buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường tương đương 10 tháng lương cơ sở với số tiền 14.900.000 đồng, tổn thất về tinh thần, thiệt hại do danh dự nhân phẩm bị xâm phạm cho người bị hại là có căn cứ pháp luật nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của người bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 480.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho các bị cáo trình bày và xuất trình đơn đề nghị của đại diện người bị hại và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các

bị cáo T, B, Th1 (có xác nhận của chính quyền địa phương) và xuất trình một số Biên lai thu tiền của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng, thể hiện:

- Gia đình bị cáo Hầu Văn T đã bồi thường cho người bị hại tổng số tiền 6.400.000 đồng (trong đó: bà Sùng Thị D (mẹ T) nộp trực tiếp cho ông M2 2.000.000 đồng và ông Hầu Văn C (bố T) nộp tại Cục Thi hành án tỉnh Cao Bằng số tiền 4.400.000 đồng và 500.000 đồng án phí HSST, DSST).

- Gia đình bị cáo Lầu Văn B đã bồi thường cho người bị hại tổng số tiền 5.500.000 đồng (trong đó: chị Dương Thị T1 (vợ B) nộp trực tiếp cho ông M2 2.000.000 đồng và nộp tại Cục Thi hành án tỉnh Cao Bằng số tiền 3.500.000 đồng và 500.000 đồng án phí HSST, DSST).

- Gia đình bị cáo Hoàng Văn Th1 đã bồi thường trực tiếp cho đại diện hợp pháp người bị hại ông Vàng A M2 số tiền 5.500.000 đồng.

Số tiền gia đình các bị cáo tự nguyện bồi thường trên sẽ được Hội đồng xét xử sẽ ghi nhận trong bản án cho các bị cáo T, B, Th1.

[6] Về án phí: Kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Kháng cáo của ông Vàng A M2 không được chấp nhận nên ông M2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng do ông M2 là hộ nghèo nên được miễn án phí DSPT theo quy định của pháp luật.

[7] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Hầu Văn T, Lầu Văn B, Hoàng Văn Th1, Dương Văn C1; sửa bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo Hầu Văn T, Lầu Văn B, Hoàng Văn Th1, Dương Văn C1.

[2] Tuyên bố: Bị cáo Hầu Văn T, Lầu Văn B, Hoàng Văn Th1 và Dương Văn C1 phạm tội “Mua bán người dưới 16 tuổi”.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 151; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Hầu Văn T** 09 (chín) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/01/2019.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 151; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Lầu Văn B** 14 (Mười bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/6/2019.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 151; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; (điểm b khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo Hoàng Văn Th1); Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn Th1, Dương Văn C1, xử phạt:

+ **Hoàng Văn Th1** 13 (Mười ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/6/2019.

+ **Dương Văn C1** 13 (Mười ba) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/6/2019.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[3] Không chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp người bị hại ông Vàng A M2 đề nghị tăng mức bồi thường dân sự đối với các bị cáo Hầu Văn T, Lầu Văn B, Hoàng Văn Th1, Dương Văn C1; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo Hầu Văn T, Lầu Văn B, Hoàng Văn Th1, Dương Văn C1;

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 584, 585, 587; 592; 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự:

Buộc các bị cáo Hầu Văn T, Lầu Văn B, Hoàng Văn Th1, Dương Văn C1 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm cho người bị hại Vàng Thị Gi do ông Vàng A M2 là người đại diện hợp pháp với tổng số tiền 14.900.000 đồng, trong đó: Hầu Văn T bồi thường 4.400.000 đồng; Lầu Văn B bồi thường 3.500.000 đồng; Hoàng Văn Th1 bồi thường 3.500.000 đồng; Dương Văn C1 bồi thường 3.500.000 đồng.

Ghi nhận gia đình bị cáo Lầu Văn B đã bồi thường cho người bị hại tổng số tiền 5.500.000 đồng (*trong đó: chị Dương Thị T1 (vợ B) nộp trực tiếp cho ông M2 2.000.000 đồng, nộp 3.500.000 đồng bồi thường và 500.000 đồng án phí HSST, DSST theo Biên lai thu số 0000261 ngày 05/11/2019 và Biên lai thu số 0000254 ngày 16/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng*).

Ghi nhận gia đình bị cáo Hầu Văn T đã bồi thường cho người bị hại tổng số tiền 6.400.000 đồng (*trong đó: bà Sùng Thị D (mẹ T) nộp trực tiếp cho ông M2 2.000.000 đồng; ông Hầu Văn C (bố T) nộp 4.400.000 đồng bồi thường và 500.000 đồng án phí HSST, DSST theo Biên lai thu số 0000252 và Biên lai thu số 0000253 cùng ngày 16/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng*).

Ghi nhận gia đình bị cáo Hoàng Văn Th1 đã bồi thường cho đại diện hợp pháp người bị hại ông Vàng A M2 số tiền 5.500.000 đồng.

[4] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Miễn án phí DSPT cho đại diện hợp pháp người bị hại ông Vàng A M2.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Cục T.H.A DS tỉnh Cao Bằng;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng;
- Các bị cáo (thông qua Ban giám thị T.T.G);
- Đại diện bị hại (theo đ/c);
- Lưu HS, VT, Phòng HC-TP TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Mai Anh Tài**